TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Thúy Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Minh**

2. Bà Đào Minh Chi

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lài** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội *tham gia phiên tòa*: **Bà Đỗ Thị Phương Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42 ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị C.T.Đ; sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 11C, ngách 183A/60/2 L.N, phường V.H, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Bị đơn: Anh T.K.C; sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 11C, ngách 183A/60/2 L.N, phường V.H, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Chị C.T.Đ:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị C.T.Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T.K.C kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 17/4/1998 tại UBND phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, đây là lần thứ nhất.

Sau khi kết hôn chị và anh C ở tại số nhà 11, ngách 183A/60/2 đường L.N, phường V.H, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Ngoài ra anh C có quan hệ với nhiều người phụ nữ

khác dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Chị và anh C đã ly thân từ lâu, mặc dù ở cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập.

Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh T.K.C để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị Đ xác nhận chị và anh T.K.C có 02 con chung là T.K.H, sinh ngày 03/01/1999 và T.N.T, sinh ngày 03/04/2005. Hiện nay các con đã trưởng thành, sức khỏe tốt và có đủ năng lực hành vi dân sự, khi ly hôn chị không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung (Động sản và bất động sản): Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những nội dung trên chị Đ không còn yêu cầu tòa án giải quyết nội dung nào khác nữa.

2. Ý kiến của bị đơn là anh T.K.C:

Anh T.K.C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc đến Tòa trình bày ý kiến hoặc ghi lời khai; Thông báo phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp, hòa giải và không nộp tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án.

3. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

- Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2024, đại diện tổ dân phố tổ 25, phường V.H, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội cho biết: Anh T.K.C và chị C.T.Đ sau khi kết hôn ở tại số 11C, ngách 183A/60/2 L.N, phường V.H, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa chỉ trên tổ dân phố không thấy phát sinh mẫu thuẫn ra ngoài, còn mâu thuẫn nội bộ tổ dân phố không biết rõ. Hiện nay anh C và chị Đ đang sinh sống tại địa chỉ trên. Chị Đ làm đơn xin ly hôn anh C, tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị Đ và anh C có 02 con chung là T.K.H, sinh ngày 03/01/1999 và cháu T.N.T, sinh ngày 03/04/2005. Nếu phải giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nhà ở chung của anh C và chị Đ tổ dân phố không biết rõ.

4. *Tại phiên tòa:* Chị C.T.Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.K.C; Về con chung: Chị Đ xác nhận chị và anh T.K.C có 02 con chung là T.K.H, sinh ngày 03/01/1999 và T.N.T, sinh ngày 03/04/2005. Hiện nay các con đã trưởng thành, sức khỏe tốt và có đủ năng lực hành vi dân sự, khi ly hôn chị không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung;

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

- Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy báo, thông báo đến Tòa ghi lời khai, thông báo các phiên hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, bị đơn đã vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C.T.Đ về việc xin ly hôn anh T.K.C; Về con chung: Chị Đ và anh C có 02 con chung là T.K.H, sinh ngày 03/01/1999 và T.N.T, sinh ngày 03/04/2005. Các con chung đã trưởng thành, sức khỏe tốt và có đủ năng lực hành vi dân sự, khi ly hôn chị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xét; Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xét; Về nợ chung: Chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xét; Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Chị C.T.Đ có đơn xin ly hôn đối với anh T.K.C, sinh năm 1974 có nơi cư trú tại số 11C, ngách 183A/60/2 L.N, phường V.H, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T.K.C, tuy nhiên sau khi nhận được các văn bản tố tụng anh C không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi

kiện của chị Đ và các buổi làm việc anh C đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 12/7/2024, anh C vắng mặt không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, khoản 2 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 14 giờ 30 ngày 19/7/2024. Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C.T.Đ và anh T.K.C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hôn tại UBND phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội ngày 17/4/1998, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị Đ và anh C không có cùng quan điểm sống, không thể hòa hợp, không còn tin tưởng nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, mặc dù ở cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Đ xin ly hôn là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị C.T.Đ được ly hôn anh T.K.C là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Xác nhận chị C.T.Đ và anh T.K.C có 02 con chung là T.K.H, sinh ngày 03/01/1999 và T.N.T, sinh ngày 03/04/2005. Các con chung đã trưởng thành, sức khỏe tốt và có đủ năng lực hành vi dân sự, khi ly hôn chị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xét.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xét.

- Về nợ chung: Chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị C.T.Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.T.Đ đối với anh T.K.C. Chị C.T.Đ được ly hôn anh T.K.C.

2. Về con chung: Xác nhận chị C.T.Đ và anh T.K.C có 02 con chung là T.K.H, sinh ngày 03/01/1999 và T.N.T, sinh ngày 03/04/2005. Các con chung đã trưởng thành, khi ly hôn chị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị C.T.Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị C.T.Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị C.T.Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011325 ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Chị C.T.Đ đã chấp hành xong tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị C.T.Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh T.K.C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Chi cục THA quận Hoàng Mai;
- UBND phường Trung Liệt, Đống Đa, HN (GCNKH số 61 ngày 17.4.1998);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà